TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-3-2022
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Quang Hoạch

2. Ông Trần Văn Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Phạm Hữu Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 551/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim O, sinh năm 1998

2. Bị đơn: Ông Vũ H, sinh năm 1995

Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp C, xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà O, ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị Kim O trình bày:

Bà và ông Vũ H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2016, đã được Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/10/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà cương quyết yêu cầu ly hôn với ông Vũ H.

Về con chung: Bà O và ông H có 01 con chung là cháu Vũ Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 28/02/2017. Hiện nay cháu Quỳnh A đang sống cùng với bà O. Khi ly hôn, bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Quỳnh A. Tạm thời bà O không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Vũ H vắng mặt:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H tới trụ sở Tòa án để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông H đều vắng mặt và cũng không có trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà O.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Kim O. Cho bà Phạm Thị Kim O được ly hôn với ông Vũ H.

Về con chung: Bà O và ông H có 01 con chung là cháu Vũ Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 28/02/2017. Đề nghị Hội đồng xét xử giao Quỳnh A cho bà O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà O không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Bà O khai không có.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016 buộc bà O phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, yêu cầu khởi kiện và quy định pháp luật, "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" thuộc trường hợp quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông H vẫn vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời bà O cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Kim O và ông Vũ H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2016 và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà O xác định vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình. Hiện tại cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông H đã nhiều lần được Tòa án triệu tập tới để hòa giải đoàn tụ nhưng đều vắng mặt, thể hiện sự không tích cực phối hợp trong việc giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Điều này chứng tỏ, quan hệ hôn nhân giữa bà O và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà O được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà O và ông H có 01 con chung là cháu Vũ Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 28/02/2017. Ly hôn, bà O có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Quỳnh A. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà O đã cũng cấp cho Tòa án các phiếu lương thể hiện bà đang làm việc tại Công ty PouSung Việt Nam CO.,LTD với mức lương trung bình khoảng 9.000.000 đồng/tháng. Như vậy chứng tỏ bà O có thu nhập ổn định và có đủ điều kiện để nuôi con. Hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H đến Tòa án để làm việc nhưng ông H vẫn cố tình vắng mặt và không trình bày ý kiến của mình đối với vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Quỳnh A cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà O không yêu cầu nên tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Vũ H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông H không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

[6] Về nợ chung: Bà O khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà O phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266,

Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phạm Thị Kim O được ly hôn với ông Vũ H.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 28/02/2017 cho bà Phạm Thị Kim O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời ông Vũ H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Vũ H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông H không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

4. Về nợ chung: Bà O khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị Kim O phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số 0000076 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà O đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị Kim O, ông Vũ H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Giấy CNKH số 81/2016 ngày 12/10/2016);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Tâm